TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH -
SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
Địa chỉ: Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 02223.854.373, 02223.896.132
Email: kd.bacninh@gmail.com Website: Https://kcxbacninh.gov.com

NĂNG LỰC
THIẾT BỊ & CƠ SỞ VẬT CHẤT

BẮC NINH, NĂM 2026

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH - SỞ XÂY DỰNG BẮC NINH
Địa chỉ: Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 02223.854.373, 02223.896.132
Email: kd.bacninh@gmail.com Website: Https://kcxbacninh.gov.com

NĂNG LỰC
THIẾT BỊ & CƠ SỞ VẬT CHẤT

BẮC NINH, NĂM 2026

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ
GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

Số: 184./KCX-TN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ, DỤNG CỤ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN XÂY DỰNG

1. Phương tiện đo lường

STT	Tên phương tiện đo	Phạm vi đo cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định hiệu chuẩn	Ngày kiểm định hiệu chuẩn lần cuối	Cơ quan kiểm định hiệu chuẩn	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
1	Máy kéo nén vặn năng WE-1000B	0.2%	12 tháng	08/2026	Viện khoa học công nghệ xây dựng	
2	Máy kéo nén vạn năng WEW - 1000B	0.2%	12 tháng	08/2026	-nt-	
3	Máy nén mẫu bê tông 200 tấn (UNIT TEST)	0.2%	12 tháng	08/2026	-nt-	
4	Cân điện tử 300.10^{-2}	0.01g	12 tháng	08/2026	-nt-	
5	Cân điện tử 6000g	0.01g	12 tháng	08/2026	-nt-	
6	Cân điện tử 15kg	0.5g	12 tháng	08/2026	-nt-	
7	Cân khối lượng 100kg	1g	12 tháng	08/2026	-nt-	

8	Cân điện tử 5000g	2g	12 tháng	08/2026	-nt-	
9	Cân điện tử 6000g	2g	12 tháng	08/2026	-nt-	
10	Cân thuỷ tĩnh	0.01g	12 tháng	08/2026	-nt-	
11	Thước kẹp		12 tháng	08/2026	-nt-	
12	Pame điện tử		12 tháng	08/2026	-nt-	

2. Trang thiết bị khác

STT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Tài liệu kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Máy siêu âm bê tông		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	
2	Máy siêu cốt thép		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	
3	Máy nén một trục không nở hông		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	
4	Máy cắt đất		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	
5	Thiết bị Casagran		06/2006		
6	Thiết bị Vaxiliep		06/2006		
7	Thiết bị đo E		06/2006		
8	Thiết bị CBR		06/2006		
9	Tủ sấy		06/2006		
10	Cần đo võng Benkelman		06/2006		
11	Thiết bị đầm BTN		06/2006		
12	Thiết bị nén Marshall		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	
13	Máy quay li tâm BTN		06/2006	Hướng dẫn sử dụng	

14	Máy khoan bê tông		06/2006		
15	Máy sàng lắc		06/2006		
16	Hộp thí nghiệm hiện trường		06/2006		
17	Cối đầm nén tiêu chuẩn		06/2006		
18	Bình hút ẩm		06/2006		
19	Phễu rót cát		06/2006		
20	Dao vòng		06/2006		
21	Hộp nhôm lấy mẫu		06/2006		
22	Tấm kính		06/2006		
23	Kính nhám		06/2006		
24	Dao kỹ thuật		06/2006		
25	Khay bát đựng mẫu		06/2006		
26	Cối chày sứ		06/2006		
27	Bình tam giác		06/2006		
28	Bình đong 1000ml		06/2006		
29	Bộ sàng đá cho công trình giao thông		06/2006		
30	Cân thủy tĩnh		06/2006		
31	Bơm và bình hút chân không		06/2006		
32	Máy phát điện		06/2006		
33	Khuôn 10*10*10		06/2006		
34	Khuôn 15*15*15		06/2006		
35	Kol thử độ sụt bê tông		06/2006		
36	Sàng cát, đá		06/2006		

37	Cối nén dập đá		06/2006		
38	Thùng định lượng		06/2006		
39	Thiết bị nén tĩnh		06/2006		
40	Khay đựng mẫu		06/2006		
41	Máy cắt sắt		06/2006		
42	Bình tỷ trọng		06/2006		
43	Bình định mức		06/2006		
44	Cối Procto cải tiến		06/2006		
45	Hóa chất NAOH		06/2006		
46	Bảng mầu chuẩn		06/2006		
47	Tỷ trọng kế		06/2006		
48	Đồng hồ bấm giây		06/2006		
49	Paraphin		06/2006		
50	Giấy lọc, giấy nhám		06/2006		
51	Bình ổn nhiệt		06/2006		
52	Cát chuẩn		06/2006		
53	Dao gạt		06/2006		
54	Que khuấy		06/2006		
55	Bàn dằn mẫu xi măng		8/2010	Hướng dẫn sử dụng	
56	Máy trộn xi măng hành tinh		8/2010	-nt-	
57	Tủ dưỡng mẫu xi măng		8/2010	-nt-	
58	Thiết bị xđ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết va độ ổn định thể tích của xi măng		8/2010	-nt-	
59	Thiết bị xác định độ mịn của ximăng		8/2010	-nt-	

60	Nhớt kế vêbe		8/2010	-nt-	
61	Bàn dằn quay tay		8/2010	-nt-	
62	Máy mài mòn gạch Blốc và bê tông		8/2010	-nt-	
63	Thiết bị xác định kim lún nhựa đường		8/2010	-nt-	
64	Máy kiểm tra dãn dài của nhựa đường		8/2010	-nt-	
65	Bộ thí nghiệm hoá mềm của nhựa đường		8/2010	-nt-	
66	Thiết bị xác định độ tổn thất của nhựa đường khi nung		8/2010	-nt-	
67	Bộ thí nghiệm chưng cất nhựa		8/2010	-nt-	
68	Thiết bị đo nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường		8/2010	-nt-	
69	Bình tỷ trọng		8/2010		
70	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường		8/2010	-nt-	
71	Máy đo điện trở của đất		8/2010	-nt-	
72	Máy siêu âm khuyết tật mối hàn		8/2010	-nt-	
73	Máy mài mòn Loss Angeles		8/2010	-nt-	
74	Máy kéo nén gỗ		8/2010	-nt-	
75	Dụng cụ xác định xác định độ hút nước và độ dãn dài của gỗ (Panme)		8/2010		
76	Thiết bị xác định độ ẩm của gỗ		8/2010	-nt-	

77	Thiết bị xác định độ hút ẩm của gỗ		8/2010	-nt-	
78	Máy quan trắc lún NAK2		8/2010	-nt-	
79	Máy thủy bình điện tử		8/2010	-nt-	
80	Máy khoan khảo sát địa chất XY-1		8/2010	-nt-	
81	Máy GPS 72 kênh tần số		10/2014	-nt-	
82	Tủ sấy 2 màn hình		10/2014	-nt-	
83	Máy khoan bê tông động cơ điện		10/2014	-nt-	
84	Súng bật nẩy xác định cường độ bê tông mác cao		10/2014	-nt-	
85	Súng bật nẩy thử cường độ vữa		10/2014	-nt-	
86	Máy cắt để bàn		10/2014	-nt-	
87	Máy uốn gạch ốp lát		10/2015	-nt-	
88	Máy đo kích thước gạch ốp lát		10/2015	-nt-	
89	Máy đo độ hút nước gạch ốp lát		10/2015	-nt-	
90	Máy bật nẩy		8/2025	-nt-	
91	Máy GPS cầm tay		8/2025	-nt-	

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP	TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thị Toàn	Nguyễn Thăng Tấn	Vũ Đức Tuấn

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS
Mã số thuế: **0101211543**
Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
Số TK: 211.10.00.001895.8 Tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - chi nhánh Hà Nội
Điện thoại: 04. 39424601 - Fax: 04.39424696

SCIENTIFIC TECHNICAL SUPPLIES

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày...09....tháng...6.....năm 2015..

Mẫu số : 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/10P
Số: 0000838

Họ tên người mua hàng: .....
Tên đơn vị: Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh
Địa chỉ: Đường Huyền Quang, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Mã số thuế: 2300254411
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Hàng hoá chi tiết theo bảng kê đính kèm hoá đơn chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số 01/2014 HĐXD-TB ký ngày 25/10/2014 và phụ lục hợp đồng số 01/ PLHĐ-TB ngày 08/4/2015				81.554.545
				Cộng tiền hàng:	81.554.545
Thuế suất GTGT: 10 %,				Tiền thuế GTGT:	8.155.455
				Tổng cộng tiền thanh toán:	89.710.000

Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi chín triệu, bảy trăm mười nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
	Lê Liễu	GIÁM ĐỐC Phạm Hoàng Tùng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH QC và PT Thương hiệu Mê Linh, Mã số thuế: 0101532152, Điện thoại: 04 3993 9690 - 04 3993 9692

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS
Mã số thuế: **0101211543**
Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - P. Phan Chu Trinh - Q. Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội
Số TK: 211.10.00.001895.8 Tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển VN - chi nhánh Hà Nội
Điện thoại: 04. 39424601 - Fax: 04.39424696

SCIENTIFIC TECHNICAL SUPPLIES

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày...09....tháng...6.....năm 2015..

Mẫu số : 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/10P
Số: 0000839

Họ tên người mua hàng: .....
Tên đơn vị: Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh
Địa chỉ: Đường Huyền Quang, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Mã số thuế: 2300.23.4411
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản: .....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
	Thanh toán chi tiết theo bảng kê đính kèm hoá đơn, chi tiết theo Hợp đồng kinh tế số 01/2014/HĐXD-TB và phụ lục số 01 kèm theo hợp đồng ngày 25/10/2014				4.463.900.000

Cộng tiền hàng: 4.463.900.000

Thuế suất GTGT: 10 %, Tiền thuế GTGT: 446.390.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.910.290.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn tỉ chín trăm mười triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ, tên)	*(Ký, ghi rõ họ, tên)*	*(Ký đóng dấu, ghi rõ họ, tên)*
	Lê Hiếu	GIÁM ĐỐC Phạm Hoàng Tùng

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT STS Q. HOÀN KIẾM - TP

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH QC và PT Thương hiệu Mê Linh, Mã số thuế: 0101532152, Điện thoại: 04 3993 9690 - 04 3993 9692

BẢNG THANH TOÁN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

Tên, số hợp đồng: Hợp đồng số 01/2014/HĐXD-TB ngày 25/10/2014
Tên đơn vị giao thầu: Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng
Tên đơn vị nhận thầu: Công ty TNHH thiết bị khoa học kỹ thuật STS
Dự án: Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh; tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình
Gói thầu số 2: Thiết bị thí nghiệm, kiểm định
Lần thanh toán: Lần 1
Căn cứ xác định: Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo HĐ	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Theo HĐ	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	Tủ sấy dạng 2 màn hình	bộ	1.000	0	0	118,800,000	118,800,000	0	0	
2	Máy khoan bê tông động cơ điện	bộ	1.000	0	1.000	50,380,000	50,380,000	0	50,380,000	
3	Súng bật nẩy xác định cường độ bê tông mác cao	bộ	1.000	0	1.000	75,790,000	75,790,000	0	75,790,000	
4	Súng bật nẩy thử cường độ vữa	bộ	1.000	0	1.000	83,600,000	83,600,000	0	83,600,000	
5	Máy cắt đất	bộ	1.000	0	0	23,980,000	23,980,000	0	0	
6	Cần Benklemen	bộ	1.000	0	1.000	85,800,000	85,800,000	0	85,800,000	
7	Máy quay ly tâm	bộ	1.000	0	1.000	116,600,000	116,600,000	0	116,600,000	
8	Máy siêu âm cốt thép	bộ	1.000	0	0	260,700,000	260,700,000	0	0	
9	Máy siêu âm khuyết tật bê tông	bộ	1.000	0	1.000	353,100,000	353,100,000	0	353,100,000	
10	Máy kiểm tra độ bền uốn của gạch men, gốm sứ và gạch lát nền.	bộ	1.000	0	1.000	657,800,000	657,800,000	0	657,800,000	
11	Thiết bị đo kích thước của gạch ceramic	chiếc	1.000	0	1.000	490,600,000	490,600,000	0	490,600,000	
12	Thiết bị đo mài mòn bề mặt	chiếc	1.000	0	1.000	305,580,000	305,580,000	0	305,580,000	
13	Bộ mẫu độ cứng MOHS(từ 1 đến 9)	chiếc	1.000	0	1.000	107,800,000	107,800,000	0	107,800,000	
14	Thiết bị đo độ hút nước (Bao gồm cả bơm chân không)	chiếc	1.000	0	1.000	544,280,000	544,280,000	0	544,280,000	
	Bơm chân không	chiếc	1.000	0	1.000	70,400,000	70,400,000	0	70,400,000	

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo HĐ	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này		Theo HĐ	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
15	Máy thủy chuẩn điện tử	bộ	1.000	0	0	325,600,000	325,600,000	0	0	
16	Máy GPS 72 kênh tần số	bộ	1.000	0	1.000	1,012,000,000	1,012,000,000	0	1,012,000,000	
17	Máy cắt bê tông và thép kiểu để bàn	bộ	1.000	0	1.000	138,160,000	138,160,000	0	138,160,000	
18	Đĩa cắt kim cương, đường kính 450mm	Chiếc	1.000	0	1.000	11,440,000	11,440,000	0	11,440,000	
19	Phễu rót cát	bộ	5.000	0	5.000	1,870,000	9,350,000	0	9,350,000	
20	Cân điện tử 15kg	bộ	3.000	0	3.000	7,480,000	22,440,000	0	22,440,000	
21	Cân kỹ thuật điện tử	bộ	2.000	0	1.000	15,950,000	31,900,000	0	15,950,000	
22	Khuôn tạo mẫu bê tông, khuôn rời bằng thép (1 bộ là 03 chiếc)	bộ	10.000	0	10.000	1,419,000	14,190,000	0	14,190,000	
	TỔNG CỘNG						**4,910,290,000**		**4,165,260,000**	

1. Giá trị hợp đồng 4,910,290,000 đồng
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước 1,400,000,000 đồng
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước 0 đồng
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này 4,165,260,000 đồng
5. Chiết khấu tạm ứng 1,400,000,000 đồng
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này 2,556,997,000 đồng

+ Thanh toán tạm ứng đồng

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành 2,556,997,000 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn đồng

Lũy kế giá trị thanh toán 4,165,260,000 đồng

Ngày ….. tháng ….. năm 2014

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN BAN QLDA VÀ GIÁM SÁT	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU CUNG CẤP THIẾT BỊ
GIÁM ĐỐC	KT. GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG MINH	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	Phạm Hoàng Tùng

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

RB/2009B

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

0018181

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT - STS

Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Số tài khoản

Điện thoại: MS: MST: 0 1 0 1 2 1 1 5 4 3

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Trung tâm kỹ thuật chất lượng và kiểm định XD - SXD Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Nguyễn Quang - TP Bắc Ninh - T. Bắc Ninh

Số tài khoản

Hình thức thanh toán: CK MS: 2 3 0 0 2 3 4 9 1 1

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Cung cấp máy móc thiết bị dụng cụ, thử nghiệm cho PTN Cân kết theo bảng kê đính kèm				247.724.762

Cộng tiền hàng: 247.724.762

Thuế suất GTGT: 10% x 50 % Tiền thuế GTGT: 12.386.238

Tổng cộng tiền thanh toán 260.111.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu, một trăm mười một nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký,ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
	Đỗ Anh Tuấn	GIÁM ĐỐC Hoàng Công

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

in tại Công ty in Tài chính

BẢNG KÊ ĐÍNH KÈM HÓA ĐƠN

Đính kèm hóa đơn số 0018181 ngày ....31.. tháng ..12.. Năm 2009

STT	Tên hàng hoá - đặc tính kỹ thuật	SL	Đơn giá VND	Thành tiền (VND)
1	**Tủ dưỡng mẫu xi măng - Trung Quốc** Model: SHBY - 40 Chenxin - Trung Quốc Độ ẩm ≥ 90% Công suất nhiệt: 500 W Công suất nén: 165 W Điện áp : 220-240V, 1 pha	1	25,535,238	25,535,238
2	**Thí nghiệm độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian đông kết và độ ổn định thể tích. Gồm:**	1	9,820,952	9,820,952
	Bộ vicat xác định thời gian ninh kết - Trung Quốc Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết của xi măng	1	bao gồm	
	Khuôn đo ổn định thể tích Lechaterlier- Trung Quốc	8	bao gồm	
	Sàng phân tích cỡ hạt xi măng đường kính 200 mm, mắt sàng cỡ 0,09 mm	1	bao gồm	
	Khuôn đúc mẫu xi măng (khuôn 3 lòng) kích thước 40 x 40 x 160 mm - Trung Quốc	9	bao gồm	
3	**Dụng cụ xác định độ mịn của xi măng theo phương pháp Blain.** DBT 127 - Trung Quốc Cung cấp trọn bộ kèm theo các phụ kiện tiêu chuẩn	1	2,101,905	2,101,905
4	**Bàn rung tạo mẫu bê tông** Trung Quốc Kích thước bàn rung : 800 x 800 mm (0,8 M2) Tần số rung khi máy hoạt động : 2860 lần/phút Biên độ rung : 0,3 - 0,6 mm Công suất động cơ : 1,5 kW 380V , 3 pha Nhà cung cấp có thể cung cấp điện áp 220V , 1 pha theo yêu cầu của người sử dụng.	1	7,955,238	7,955,238
5	**Khuôn đúc mẫu bê tông lập phương 15 cm** Khuôn kim loại đóng 1 hộp/ 1 chiếc	30	401,683	12,050,476
6	**Thiết bị xác định độ ẩm gỗ bằng phương pháp đo nhanh Testo 606-1** **Hãng sản xuất: Testo - Đức** Thang đo độ ẩm từ 0 - 90 % RH cấp chính xác ± 1%	01	5,618,095	5,618,095

STT	Tên hàng hoá - đặc tính kỹ thuật	SL	Đơn giá VND	Thành tiền (VND)
	Độ phân giải : 0,1 Nhiệt độ hoạt động từ - 10 … 50^{0}C Hoạt động bằng 02 viên pin AAA Trọng lượng : 90 g Cho phép đo liên tục trong vòng 200 giờ. Kích thước : 119 x 46 x 25 mm Màn hiển thị tinh thể lỏng LCD Cung cấp trọn bộ kèm theo đầu đo sẵn sàng cho sử dụng			
7	**Máy kiểm tra độ dãn dài của nhựa đường SY 1.5 - Chenxin - Trung Quốc** Tốc độ kéo : 50 mm/phút ± 2% Chiều dài kéo lớn nhất : 1,5 m Cấp chính xác : ± 1 mm Nguồn điện : 220-240V, 1pha. Cung cấp kèm theo khuôn mẫu thử (kẹp càng cua) để mẩu thử nghiệm	1	15,183,810	15,183,810
8	**Xác định độ bám dính với đá** **Bộ dụng cụ cung cấp kèm theo gồm có :** Cốc mỏ thuỷ tinh chịu nhiệt - Bếp điện đơn (bếp điện kín) - , 220V, 50Hz, 1pha Gia treo mẫu và các viên đá kích thước 20 x 40 mm	1 1 1 1	2,926,667	2,926,667
9	**Thiết bị xác định hàm lượng nhựa đường bằng phương pháp chiết xuất ly tâm - SLF400 - Trung Quốc** Dung lượng máy : 3000g Tốc độ ly tâm : 2860v/ph Nguồn điện :750W 220V ± 10V Cung cấp kèm theo bát chiết ly tâm, bộ giảm tốc, màn hiển thị tốc độ ly tâm (LED), công tắc bật/tắt.	1	15,714,286	15,714,286
10	**Máy nén tam liên (Máy nén cố kết không nở hông) WG - 1C - Trung Quốc** Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm Khả năng gia tải : 12.5 - 800 Kpa hoặc 1600kPa Trọn bộ sử dụng với 3 mẫu Gồm: Bàn nén cố kết, Khung nén, hộp mẫu, đá thấm, dao vòng đồng hồ đo lún, bộ gia tải.	02	15,713,810	31,427,619
11	**Bộ thí nghiệm CBR hiện trường** ***Bộ thí nghiệm cung cấp kèm theo gồm có*** Kích cơ khí làm theo kiểu dáng của ELE - Anh cho	01 01	55,588,571 bao gồm	55,588,571

STT	Tên hàng hoá - đặc tính kỹ thuật	SL	Đơn giá VND	Thành tiền (VND)
	phép kiểm tra đến tải trọng 50 kN .			
	Bộ thanh nối dài có tiết diện đủ lớn để tháo lắp dễ dàng với hai chân đỡ bằng vít có ren xoắn.	01	bao gồm	
	Thanh đỡ bằng kim loại có chân đế	02	bao gồm	
	Bộ gá lắp giữa kích cơ khí với điểm đo (được thiết kế với gối cầu tự lựa).	01	bao gồm	
	Quả gia tải có lỗ tròn trọng lượng 4,5 kg	01	bao gồm	
	Quả gia tải có rãnh trọng lượng 4,5 kg	01	bao gồm	
	Quả gia tải có rãnh trọng lượng 9,1 kg	01	bao gồm	
	Piston xuyên	01	bao gồm	
	Cung lực 50 kN x 0,01 mm	1	bao gồm	
12	**Máy đo điện trở đất 4105A - KYORITSU**			
	Thang đo đến 2000 Ω	01	6,040,000	6,040,000
	Cung cấp trọn bộ kèm theo các phụ kiện tiêu chuẩn trong túi đựng mềm sẵn sàng cho sử dụng.			
13	**Bộ thí nghiệm cho nén tĩnh cọc - Việt nam**	01	57,761,905	57,761,905
	Xi lanh thuỷ lực 300 tấn với đồng hồ đo áp lực hành trình 150 mm, loại 1 chiều	01		
	Bơm thuỷ lực bằng mô tơ điện	01		
	Hệ thống dầm chính và dầm phụ được làm bằng thép chữ I có hàn thép và được sơn chống gỉ hai lớp. Sơn phủ bên ngoài màu vàng	01		
	Trên hệ thống dầm có khoét lỗ để gá lắp các phụ kiện khi tiến hành đo.			
	Bộ gá từ để gắn đồng hồ đo biến dạng	02		
	Đồng hồ đo biến dạng có hành trình 5 x 0,01 mm	02		
	CỘNG TIỀN HÀNG			**247,724,762**
	VAT 10 x 50%			**12,386,238**
	TỔNG CỘNG			**260,111,000**

Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu một trăm mười một nghìn đồng chẵn

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT STS

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Tùng

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
TY/2009B
0072215

Ngày 25 tháng 03 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT - STS
Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: MS: MST: 0 1 0 1 2 1 1 5 4 3

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng - Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh
Địa chỉ: Phường Khuyến Quang, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số tài khoản
Hình thức thanh toán: CK MS: 2 3 0 0 2 3 4 4 1 1

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Máy móc thiết bị, dụng cụ thí nghiệm chi tiết theo Bảng kê đính kèm (HĐKT số 01/HĐKT-TB ngày 16/12/2009)				612.166.525
	Cộng tiền hàng:				612.166.525
	Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:				61.216.652
	Tổng cộng tiền thanh toán				673.383.177

Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm bảy ba triệu ba trăm tám ba nghìn một trăm bảy bảy đồng.

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
	Đỗ Anh Tuấn	Phạm Hoàng Tùng

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Tùng

in tại Công ty in Tài chính

BẢNG KÊ ĐÍNH KÈM HÓA ĐƠN

Đính kèm hóa đơn số .0012215 ngày ..25.... tháng .05.... Năm 2010

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN VND
1	**Máy mài mòn gạch Block & bê tông - Việt nam** Thiết bị được cung cấp kèm theo bộ đếm số vòng quay Nguồn điện : 380V, 3 pha	01	27,499,048	27,499,048
4	**Phương pháp xác định giới hạn bền khi nén của gỗ TLS - 50I** **TIME GROUP - Trung Quốc** Lực kiểm tra lớn nhất : 50 N Lực kiểm tra nhỏ nhất : 0,05 N Độ phân giải khi thử mẫu nhỏ phải dùng với gá kẹp kiểu cuốn rulo : 0,05 N Khoảng cách giưa má kẹp kiểm tra kéo : 240 mm Khoảng cách giữa hai tấm nén trên và dưới : 220 mm Đường kính tấm nén mẫu trên và dưới 60 mm Hành trình : 70 mm Tốc độ kiểm tra : điều chỉnh bằng tay (mm/ phút) Cáp chĩnh xác : 0,5 ; 1 Trọng lượng : 30 kg Điện áp sử dụng : 220V, 50Hz, 1pha Thiết bị có chức năng lưu giữ lại số liệu cực đại khi kết thúc quá trình kiểm tra.có bộ bảo vệ quá tảI, có chức năng điều chỉnh ZERO. *Cung cấp kèm theo các má kẹp kiểm tra gỗ và kiểm tra nén gỗ*	1	115,497,143	115,497,143
1	**Thiết bị xác định kim lún nhựa đường B057KIT** **MATEST - Italy** *Theo tiêu chuẩn EN 1426 , ASTM D5, BS2000,....* Phù hợp để kiểm tra độ lún của mâuc nhựa đường dưới tác động về lực , thời gian và nhiệt độ. **Phụ kiện tiêu chuẩn cung cấp** kèm theo thiết bị kim lún tự động gồm có bộ điều khiển từ tính với đồng hồ đo thời gian điện tử cho phép tự động dừng và nhả nút tự động cho quả gia trọng rơI xuống tự do, chức năng tự động chỉnh ZERO, đồng hồ đo kim lún, quả gia trọng 50 g và 100 g kim xuyên, cốc đựng mẫu thử làm bằng đồng, đường kính cốc mẫu thử 55 x 35 mm và 70 x 45 mm	01	49,597,143	49,597,143

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN VND
	Điện áp sử dụng : 230V, 1pha 50/60hz 200 W Kích thước : 220 x 280 x 410 mm Trọng lượng : 15 kg **Phụ kiện cần thiết cho Model B057KIT** B057-02 Gương nhỏ dùng để quan sát dễ dàng cho việc lắp kim xuyên trước khi kiểm tra vào khung máy thử một cách chính xác	1	**bao gồm**	
	B 057-03 Cốc đựng mẫu làm bằng kính thuỷ tinh trong suốt với giá đỡ để đựng mẫu thử.	1	**bao gồm**	
3	**Bộ thí nghiệm hoá mềm của nhựa đường theo phương pháp vòng bi theo 22 TCVN 279 :01** **Việt nam** Cung cấp kèm theo gồm cốc thuỷ tinh chịu nhiệt dung tích 450 ml, bi , bộ gá bi,	1	1,895,238	1,895,238
5	**Thiết bị xác định độ tổn thất nhựa đường khi nung SBX-85** **CHENXIN - Trung Quốc** Nhiệt độ diều chỉnh : 50 - 200^{0}C Cấp chính xác nhiệt độ : $\pm$ 0,5^{0}C Công suất : 3800 W Có mô tơ quay đĩa đựng mẫu thử bên trong tủ. Nguồn điện : 220 $\pm$ 10 V	1	47,534,286	47,534,286
7	**Bộ thí nghiệm chưng cất nhựa-** **(Electrical pyrogenation distillation tester)** **Trung Quốc** Nguồn sử dụng : 220..240 VAC 50/60Hz	1	10,505,571	10,505,571
8	**Thiết bị đo nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường SYD-3536** **Trung Quốc** Tự động điểm hoả và bộ gia nhiệt tự động. Công suất: 400W Nguồn điện: 220V/50Hz, một pha	1	11,000,000	11,000,000
8	**Thiết bị thí nghiệm bàn nén(Thiết bị moduyn đàn hồi nén)** **Việt nam** Bàn nén được làm bằng vật liệu thép, có chiều dày 2,5cm Tiết diện của bàn nén là 5000 cm2 . Mặt bàn nén có móc để dễ dàng vận chuyển Trên mặt bàn nén có vành định tâm cho kích thuỷ lực 04 neo xoắn có đường kính 30 cm , chiều dài của neo là	01	54,142,857	54,142,857

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN VND
	1,5 m . Phần trên của neo xoắn được thiết kế để sử dụng với tay quay tháo mở neo. Tay quay chữ T Thanh nối dài có chiều dài 1 m/ thanh	01 12		
10	**Thiết bị đo độ ẩm độ chặt của đất bằng điện cực** **H 4114 C** Humboldt -Mỹ Hiển thị LCD về độ ẩm, mật độ khô, độ chặt của đất Dải đo độ chặt ướt: trong dải đầm nén Độ chính xác mật độ khô: ± 3% của phép thử TC Dải đo độ ẩm: trong dải đầm chặt tiêu chuẩn Độ chính xác thành phần ẩm: ± 2% của phép thử TC Nhiệt độ và độ ẩm môI trường làm viêc: 0-50oC/5-90% Nguồn nuôi: Pin sac Gồm: Máy chính, 4cọc nhọn 6", đầu đo(sensor)đất và cáp, nối đầu đo nhiệt độ bộ sạc búa đóng tấm đế	01	279,523,810	279,523,810
12	**Xe năng quay tay** **HS 15/16** Tải trọng 1500kg Bánh xe bằng nhựa Pucó trang bị hệ thống phanh chânđịnh vị Chiều cao năng cao nhất 1600mm Chiều cao năng thấp nhất 85mm Chiều rộng càng năng : 330 - 740mm Chiều dài càng năng : 900mm Kích thước xe: dài x rộng x cao : 1350 x850 x1980 mm Kích thước bánh nhỏ, đk 74 x 70mm Kích thước bánh lớn, đk 160 x 500mm Tự trọng của xe: 260 kg	1	14,971,429	14,971,429
	CỘNG TIỀN HÀNG			**612,166,525**
	VAT 10%			**61,216,652**
	TỔNG CỘNG			**673,383,177**

Bằng chữ: Sáu trăm bảy mươi ba triệu ba trăm tám mươi ba nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT STS

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Tùng

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
TY/2009B
0072214

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 25 tháng 05 năm 2010

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT - STS
Địa chỉ: 4A Lê Thánh Tông - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Số tài khoản:
Điện thoại: MS: MST: 0 1 0 1 2 1 1 5 4 3

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Trung tâm kiểm định chất lượng và hình kỹ - Sở XD Bắc Ninh
Địa chỉ: Phường Khuyến Quang - TP Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh
Số tài khoản: CK
Hình thức thanh toán: MS: 2 3 0 0 2 3 4 4 1 1

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Máy móc thí nghiệm chuyên dùng xây dựng theo bảng kê đính kèm <Hợp đồng số 01/2009/HĐKT-TB ngày 16/12/2009>				1.319.300.129
				Cộng tiền hàng:	1.319.300.129
Thuế suất GTGT: 10 %				Tiền thuế GTGT:	131.930.013
				Tổng cộng tiền thanh toán:	1.451.230.142

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm năm mươi triệu hai trăm ba mươi nghìn một trăm bốn hai đồng

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
	Đỗ Anh Tính	GIÁM ĐỐC Phạm Hoàng Tường

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG TỈNH BẮC NINH

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT SỞ KHKD 0102004... Q.HOÀN KIẾM TP HÀ NỘI

in tại Công ty in Tài chính

BẢNG KÊ ĐÍNH KÈM HÓA ĐƠN

Đính kèm hóa đơn số .60.1.2.1.4 ngày ..25.... tháng 03..... Năm 2010

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
1	**Bàn dằn mẫu xi măng thí nghiệm ZT 96(ZS - 15) - Trung quốc** (Đúc mẫu 40 x 40 x 160 mm) Tần số dằn : 60 lần/ phút. Biên độ dằn: 15 mm Nguồn điện: 220V/50Hz, một pha	1	13,553,333	13,553,333
2	**Máy trộn xi măng hành tinh kiểu Hobart JJ5 - Trung quốc** Chiều rộng dao trộn: 135 mm Thể tích bầu trộn: 5 lít Tốc độ cánh trộn Tđ cánh trộn Tđ hành tinh Thấp 140+5 (V/p) 62+5(V/p) Cao 285+5 (V/p) 125+5(V/p) Điện áp sử dụng: 380V - 3 pha	1	14,437,143	14,437,143
6	**Máy nén kiểm tra bê tông xi măng với bộ điều khiển chương trình bán tự động AD200/EL - Malaysia** Bộ điều khiển **có 2 kênh đo** vi vậy có thể mở rộng khi nối với khung kiểm tra uốn mẫu dầm bê tông hay khung thử nén kết hợp với uốn xi măng (trong trường hợp này cầnphải mua thêm bộ gá thử nén và uốn mẫu riêng) Khả năng nén mẫu lớn nhất : 2000 kN Thang đo : 0 - 400 kN x 0,1 kN Thang đo 0 - 2000 kN x 1 kN Thang đo dùng cho kiểm tra uốn (khách hàng phải mua thêm bộ gá kiểm tra uốn): 0 -100 kN x 0,01 kN hay 0 -250 kN x 0.01 kN Hoạt động bằng mô tơ điện Cung cấp kèm theo các tấm đệm kiểm tra mẫu lập phương đến 15 cm và mẫu trụ Điện áp : 220-240 v. 1 PHA	1	247,769,524	247,769,524
	Model EN 1 : Bộ gá kiểm tra nén mẫu vữa xi măng sau khi uốn gẫy trên bộ gá kiểm tra uốn mẫu 40 x 40 x 160 mm	1	bao gồm	
	Model EN 2 : Bộ gá kiểm tra uỗn mẫu vữa xi măng	1	bao gồm	
2	**Nhớt kế VEBE VBR-1 - Trung Quốc**	01	9,153,333	9,153,333

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	Cung cấp trọn bộ sẵn sàng cho sử dụng gồm bộ tạo rung với tần số rung 50 Hz, biên độ rung khi chưa có tải 0,5 mm Bộ côn sụt với kích cỡ (đường kính trên x đường kính dưới x chiều cao côn sụt) : 100 x 200 x 300 mm Thước đo độ sụt . Điện áp sử dụng: 380V - 3 pha			
3	**Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa tươi(phương pháp bàn dằn) theo tiêu chuẩn TCVN 3121 -2 : 03 Việt nam**	1	2,150,476	2,150,476
	Bộ thí nghiệm gồm có :			
	Bàn dằn quay tay Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa Kích thước bàn: 254 mm Biên độ : 12.7 mm Quay tay	1	***bao gồm***	
	Khâu hình côn, đường kính trong của đáy lớn 100 mm ± 0,5 mm, của đáy nhỏ là 70 mm ± 0,5, chiều cao khâu 60 mm ± 0,5 mm	1	***bao gồm***	
	Bay trộn kèm chảo trộn	1	***bao gồm***	
2	**Phương pháp xác định độ hút âm của gỗ , bằng cân PA213 - OHAUS -Mỹ SX Trung quốc** Khả năng cân lớn nhất : 200 g Cấp chính xác 0,001 g Nguồn điện : 220V, 1 pha	1	20,526,364	20,526,364
3	**Phương pháp xác định độ hút nước và độ dãn dài của gỗ Trung Quốc** Pan me cấp chính xác 0,01 mm	1	4,812,727	4,812,727
9	**Bình tỷ trọng thuỷ tinh , dung tích 250 ml Trung Quốc**	5	166,909	834,545
4	**Bộ thiết bị khoan lấy mẫu khoan địa chất) XY-1 - Trung Quốc** Chiều sâu khoan : 100 m, đường kính lỗ mở 110 mm Đường kính cuối lỗ khoan : 75 mm, đường kính cần khoan là 42 mm. Phương pháp khoan : Tăng tải bằng thuỷ lực Cách di chuyển : Tháo Block hoặc bằng phương tiện Tốc độ trục chính : 142, 285,570 (v/p) Khoảng chạy trục chính : 450 mm	01	179,531,429	179,531,429

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	Lực ép trục lớn nhất : 15 kN. Lực nâng trục lớn nhất : 25 kN, sức tời tốc độ 1, cáp đơn 10 kN Bơm nước rửa liền truyền động qua hộp giảm tốc, bơm loại moột xylanh nằm ngang tác dụng kép. Lưu lượng bơm lớn nhất 77-95 L/P. áp lực bơm lớn nhất 1,2 Mpa. áp lực làm việc của bơm 0,7 Mpa. Tốc độ quay của bơm 1500 v/p Động cơ dẫn động loại Diezel có két nước quạt gió làm mát Công suất động cơ dẫn động 10,5 kW **Phụ kiện cung cấp kèm theo máy XY-1 gồm có :** Máy chạy bằng động cơ Diezel công suất 10,5 kW, cần chủ đầu xa nhích, cần xa nhích, bơm bùn, tuy ô và cao áp, chõ bơm.			
	+ Bộ đóng lấy mẫu tiêu chuẩn SPT - Trung Quốc	01	bao gồm	
	+ Tháp khoan 3 m chân 6,2 m ống 76 x 4 đủ bộ	01	bao gồm	
	+ Cáp thép F 11mm ; 25m ; cóc cáp 4c; siriga	01	bao gồm	
	+ Cần khoan đường kính 42 x 1 m và 1,5 m (dvị tính :m)	03	bao gồm	
	+ Cần khoan đường kính 42 x 2,8 m và 3 m (dvị tính :m)	15	bao gồm	
	+ Cần khoan đường kính 42 x 4,3 m (dvị tính :m)	60	bao gồm	
	+ Gia mốc cần khoan đường kính 42 phổ thông	25	bao gồm	
	+ Đầu nối -42/+50 ; -42/-42 SPT; -42/cần chủ	03	bao gồm	
	+ Ta rô cứu cần 42 TQ	01	bao gồm	
	+ Ê lê va tơ 42	01	bao gồm	
	+ Quang treo 42	01	bao gồm	
	+ Vinca 42 VN	01	bao gồm	
	+ Gọng ô 42 VN	01	bao gồm	
	+ Khoá mở cần 42 TQ	02	bao gồm	
	+ Khoá mở ống 73/89 TQ	02	bao gồm	
	+ Khoá mở ống 108/127 TQ	02	bao gồm	
	+ Pê rê khốt phay 73/42 VN	01	bao gồm	
	+ Pê rê khốt phay 89/42 VN	01	bao gồm	
	+ Pê rê khốt phay 108/42 VN	01	bao gồm	
	+ Pê rê khốt slam 73/42 VN	01	bao gồm	
	+ Pê rê khốt slam 89/42	01	bao gồm	
	+ ống khoan F 73 x 1,5 m (dvị tính :m)	03	bao gồm	
	+ ống khoan F 89 x 1,5 m (dvị tính :m)	03	bao gồm	
	+ ống khoan F 108 x 0,5 m (dvị tính :m)	03	bao gồm	

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	+ ống mở lỗ F 108 x 0,5 m	01	bao gồm	
	+ Khơ mút 108	01	bao gồm	
	+ ống slam F 73 x 1,5 m VN sản xuất	01	bao gồm	
	+ ống slam F 89 x 1,5 m VN sản xuất	01	bao gồm	
	+ ống slam F 108 x 1,5 m VN sản xuất	01	bao gồm	
	+ ống chống F 108 X 3 m TQ	09	bao gồm	
	+ Nhíp pen 108 (mỗi ống 01 cái)	03	bao gồm	
	+ SPT hiện trường	1	bao gồm	
5	**Máy siêu âm khuyết tật kim loại và mối hàn** **EPOCH LT - OLYMPUS - PANAMETRIC - Mỹ** *Phù hợp tiêu chuẩn TCVN 165: 1995, TCVN 1548: 1987* *Tiêu chuẩn: ASME, ASME III, JIS* Màn hình LCD độ phân giảI cao 320 x 240 pixels. Tần số cập nhật màn hình : tối thiểu 60Hz. Độ nhạy : 100 dB,mức tham chiếu 6 dB, độ phân giải 0,1 dB Tự động hiệu chuẩn đầu dò cho độ lệch zero và vận tốc truyền âm. Mức loại nhiễu :0 … 80% thang đo, bước chỉnh1%. Đơn vị đo : hệ Anh (inch), hệ mét và micco giây. Vận tốc truyền âm : 635 … 15420 m/s Thang đo độ dày : 4 … 5000 mm (tuỳ chọn đến 10 m) Góc khúc xạ : có thể đặt ở các góc 00 - 300 - 450 - 600 - 700 hoặc thay đổi 10 - 850 với bước chỉnh 10. Nhớ đỉnh xung : Hiển thị dạng sóng A - Scan và đường bao đỉnh xung của nó. Kiểu xung : xung kích hoạt đỉnh âm (-) Điện thế xung : 100 - 200 - 300 - 400 V. Điện trở giảm chấn : 50 - 63 - 150 và 400 Ω Dạng tách sóng : Toàn phần bán kỳ âm, bán kỳ dương và nguyên dạng RF. Băng thông : 0.3 … 20 MHz tại điểm cắt - 3dB Chế độ đo : Đo xung phản hồi, đo bằng đầu dò kép và đo xuyên. Cảnh báo : lựa chọn ngưỡng dương/âm hay theo chiều sâu tối thiểu. Nhiệt độ làm việc : - 10 … + 500C Nhiệt độ bảo quản : - 40 … + 700C Nguồn nuôi : Pin sạc NiMH 6V, 3000mAh.	**1**	256,785,714	256,785,714

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	Nguồn điện dùng để sạc pin và có thể cắm với máy để sử dụng trực tiếp 200 - 240V AC, 50Hz, 1pha. Pin sạc cho phép sử dụng và đo liên tục trong vòng 8 giờ trong một lần sạc pin. Giao diện USB tốc độ cao Bộ nhớ : 100 cài đặt chuẩn, 2000 dữ liệu đo Kích thước máy : 238 x 138 x 38 mm Trọng lượng máy tính cả pin sạc : 1.0 kg *Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm các phụ kiện :* - Phần mềm DAC/TVG(tích hợp trong máy) - Pin sạc có thể nạp được - Bộ sạc pin - Dây đeo máy - Hộp đựng máy và phụ kiện - Sách hướng dẫn sử dụng thiết bị - Giấy chứng nhận hiệu chuẩn NIST-Traceable.			
	Model LM-BF : Đầu chuyển đổi Lemo 00 sang BNC female	02	bao gồm	
	Cat.no LCM-74-6 : Cáp nối LEMO tiêu chuẩn tới Microdot, dài 1,8 m	02	bao gồm	
	Cat.no D771-RP : Đầu dò kép (dual element) rút ngắn (potted), đầu nối cáp BNC, sử dụng trên bề mặt nhiệt độ 200 … 8000F , 2,25 MHz/ Ø 0.375" (10 mm)	01	bao gồm	
	Cat.no A549S - SM : Đầu dò vặn ren Accuscan-S (độ nhạy cao) đầu nối microdot thẳng 2.25 MHz/ Ø 0.375" (10 mm)	01	bao gồm	
	Cat.no A551S-SM-RM : Đầu dò góc vặn ren Accuscan-S (độ nhạy cao) đầu nối thẳng microdot5 MHz/ Ø 0.375" (10 mm)	01	bao gồm	
	Cat.no ABWM-7T-30 : Nêm 300 kiểu vặn ren cho đầu dò góc đường kính 0.375"	01	bao gồm	
	Cat.no ABWM-7T-45 : Nêm 45^0 kiểu vặn ren cho đầu dò góc đường kính 0.375"	01	bao gồm	
	Cat.no ABWM-7T-60 : Nêm 600 kiểu vặn ren cho đầu dò góc đường kính 0.375"	01	bao gồm	
	Cat.no ABWM-7T-70 : Nêm 700 kiểu vặn ren cho đầu dò góc đường kính 0.375"	01	bao gồm	
	Cat.no D12 : Mỡ siêu âm (mỡ bôI tiếp xúc / 0,35 lít)	01	bao gồm	

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	Cat.no TB1054-1 : Mẫu chuẩn ASTM E 164 kiểu IIW (V1) hệ mét bằng thép 1018. Dùng để hiệu chuẩn khoảng cách và độ nhạy, đo góc khúc xạ và điểm xuất phát chùm tia của đầu dò. Không cung cấp kèm theo hộp đựng F 129	01	bao gồm	
	Cat.no F129 : Hộp đựng mẫu chuẩn làm bằng gỗ.	01	bao gồm	
6	**Maý toàn đạc điện tử**	1	216,574,545	216,574,545
	V 323N - PENTAX - Nhật			
	Một số tính năng nổi bật			
	Có chế độ bắt mục tiêu bằng Laser			
	Máy có chế độ đo không gương 200 m			
	Sử dụng loại pin NiMH có số lần đo nhiều hơn, tuổi thọ dài hơn, dễ mua trên thị trường, có thể dùng chung với các loại pin cuả maý Leica và ngược lại.			
	Thời gian đo khoảng cách rất nhanh < 2 giây.			
	Dung lượng bộ nhớ trong là 30.000 điểm đo			
	Có thể xuất ra máy tính và từ máy tính vào máy đo với nhiều dạng số liệu khác nhau và thuận tiện.			
	Quan sát được toàn bộ thành quả đo đạc một cách sinh động trên màn hình			
	Các thông số kỹ thuật chính :			
	ống kính			
	Độ phóng đại ống kính : 30 x (dễ dàng bắt mục tiêu ở xa khi đo lưới khống chế)			
	Trường nhìn ống kính : $1^{0}30'$			
	Chiếu sáng lưới chữ thập : có (có thể chỉnh tối sáng thích hợp cho đo đêm)			
	Khả năng nhìn rõ nhỏ nhất : 1 m			
	Màn hình/bàn phím :			
	Màn hình tinh thể lỏng LCD 8 dòng và 20 ký tự			
	Máy có hai màn hình			
	Bàn phím : 12 phím số, 5 phím chương trình, 5 phím đặc biệt			
	Đo góc :			
	Góc hiển thị trên màn hình là : 1"			
	Độ chính xác đo góc là : 3"			
	Hệ thống con lắc tự động : 1 trục			
	Đo khoảng cách			

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	- Chế độ đo không gương : 200 m *- Chế độ đo có gương* *+ Loại gương chóp :* +/ Điều kiện môi trường bình thường : 2800 m +/ Điều kiện môi trường tốt : 3500 m *+ Loại gương đơn :* +/ Điều kiện môi trường bình thường : 2000 m +/ Điều kiện môi trường tốt : 2800 m *+ Loại gương mini :* +/ Điều kiện môi trường bình thường : 1100 m +/ Điều kiện môi trường tốt : 1600 m *+ Loại gương giấy :* +/ Điều kiện môi trường bình thường : 400 m +/ Điều kiện môi trường tốt : 500 m **Độ chính xác đo cạnh :** Độ chính xác khi nhập giá trị PPM : - Chế độ đo tia Laser : - Chế độ đo gương : ± (2 mm + 2ppm) - Chế độ đo không gương : ± (5 mm + 2 ppm) **Thời gian đo cạnh :** Chế độ đo chính xác : 2,5 giấy (tương ứng với bước nhảy nhỏ nhất là 0,1 mm) Chế độ đo bình thường : 2,0 giây (tương ứng với bước nhảy nhỏ nhất la 1 mm) Chế độ đo đuổi (tracking) : 0,4 giây (tương ứng với bước nhảy nhỏ nhất là 10 mm) **Hệ thống :** Bộ nhơ trong có thể ghi : 30.000 điểm đo, tạo ra nhiều Job để dễ quản lý. Chương trình có sẵn trong máy : Lập trạm máy,lấy hướng chuẩn, bố trí điểm thiết kế ra hiện trường, đo địa hình, trạm tự do, tính diện tích….. Độ kín nước theo tiêu chuẩn : IP 54 Dung lượng pin : Thời gian làm việc từ 6 - 12 giờ			

TRUNG TÂM QUẢN LÝ NHÀ VÀ GIÁM ĐỊNH XÂY DỰNG BẮC NINH

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	Thời gian sạc pin : 130 phút Kích thước (w x h x l) : 172 x 343 x 177 mm Trọng lượng : Máy + pin : 5,7 kg, hợp đựng 2,6 kg Nhiệt độ làm việc : -20^{0}C ... + 50^{0}C **Bộ máy toàn đạc điện tử được cung cấp gồm có :** - 01 máy PENTAX V - 323N - 01 bộ pin sạc BP-02 - 01 bộ sạc pin BC-03 (230V) - 01 cáp truyền dữ liệu MB64C qua máy tính RS 232 - 01 hộp đựng máy - 01 bộ tăm chỉnh - 01 balô đeo máy - 01 túi nilon che máy - 01 quả dọi - 01 chân máy gỗ (hoặc nhôm) Pentax - 02 khung gương đơn + quả gương + bảng ngắm - 02 túi đựng gương - 02 sào gương đơn có gắn bọt thuỷ - 02 bao đựng sào. 02 Bộ đàm cầm tay-			
7	**Máy mài mòn Loss Angeles - Việt Nam** Cung cấp trọn bộ sử dụng kèm theo bộ đếm số vòng quay, khay hứng, bộ bi thép gồm 12 viên bi. Điện áp sử dụng : 220 V, 50Hz, 1 pha	01	22,000,000	22,000,000
11	**Cân kỹ thuật điện tử** **DJ5000TW - SINKO - Nhật bản** Khả năng cân : 5000 g Cấp chính xác : 0,01 g Hiển thị bằng màn hình rộng LCD Nguồn điện : 220V hay pin 9V	1	18,169,091	18,169,091
12	**Máy kéo nén vạn năng** **WEW-1000B - JINGYUAN TESTING** **Trung Quốc liên doanh với Anh** * Lực kiểm tra tối đa: 1000 kN * Độ chính xác: < ±1% * Các chức năng kiểm tra: Uốn, kéo, nén	1	313,001,905	313,001,905

STT	TÊN HÀNG HOÁ - ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	SL	ĐƠN GIÁ VND	THÀNH TIỀN (VND)
	* Các đối tượng kiểm tra: Thép, bê tông, xi măng, nhựa * Gia tải: Thuỷ lực * Hiển thị kết quả: Máy tính * Vẽ đồ thị cho mỗi phép đo, tự động lưu giữ số liệu và đồ thị trong các phép do * Phần mềm hiển thị bằng tiếng Anh được cài đặt sẵn trong máy tính Phần mềm cho phép người sử dụng dễ dàng thao tác và cài đặt. Trong phương pháp thử kéo thép, phần mềm của máy sẽ cho người dùng biết được tình trạng và chất lượng của thanh thép qua biểu đồ. Trong quá trình thử uốn thép và nén bê tông, phần mềm sẽ thường xuyên cho người sử dụng biết về lực tại tưng thời điểm. Phần mềm có thể tự động phát hiện các lỗi trong quá trình đo *Khoảng hở kiểm tra kéo cực đại: 620 mm * Khoảng hở kiểm tra nén cực đại: 580 mm * Các kích thước đối với mẫu thử: *Thép tròn: ϕ 14- ϕ45 *Thép tấm: Độ rộng/ độ dày: 0-80 / 0-40 mm *Độ rộng bộ gấ kiểm tra uốn: 600 mm *Kích thước máy chính : 980 x 650 x 2200 mm *Nguồn điện : 220-240V - 50Hz - 1 pha* **Phụ kiện theo máy WEW - 1000 B** 01 Máy tính 01 Máy in 01Bàn để máy tính 01 Bộ Cáp nối 01 Bộ má kẹp bao gồm các cỡ: ϕ0 - ϕ40: 4 chiếc ϕ14–ϕ60 : 4 chiếc; ϕ14 - ϕ32 : 4 chiếc; ϕ32- ϕ45: 4 chiếc; ϕ 40- ϕ60: 4 chiếc 01 Bộ phụ kiện cho kiểm tra uốn(gồm bộ gối uốn thép ϕ 50x L140mm và bộ búa uốn thép ϕ50, ϕ40, ϕ30,ϕ20) 01 Bộ tấm ép cho kiểm tra nén với khớp cầu tự lựa 01 Bu lông neo 01 Dây nguồn 12lít Dầu thuỷ lực 01 Bộ dụng cụ tháo lắp, sửa chữa			
	CỘNG TIỀN HÀNG			**1,319,300,129**
	VAT 10%			**131,930,013**
	TỔNG CỘNG			**1,451,230,142**

Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm mười bốn đồng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHKT STS

GIÁM ĐỐC

Phạm Hoàng Tùng